

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM TRỰC
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 01 /2018/DS -ST

Ngày: 30 – 3 - 2018

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toà phiên toà : Ông Nguyễn Văn Thịnh

Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Huyền.

Bà Đào Thị Thu Phương.

-Thư ký phiên toà: Ông Phạm Mạnh Cường - Cán bộ Toà án

Ngày 30 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 11/2018/TLST- DS ngày 01 tháng 11 năm 2017 về việc " tranh chấp hợp đồng vay tài sản " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02 /2018/QĐXXST- DS ngày 21 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn: Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam***

Địa chỉ: 169 Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn Q – Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội sách huyện T.

Người đại diện theo Ủy quyền của ông Trần Văn Q là:

Bà Đoàn Thị T – Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội sách huyện T (có mặt).

2. ***Bị đơn: Ông Đỗ Khắc T***, sinh năm: 1963; địa chỉ: Xóm 16, xã A, huyện T, tỉnh Nam Định (có mặt).

3. ***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Đỗ Thị C***, sinh năm 1963; Xóm 16, xã A, huyện T, tỉnh Nam Định (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đỗ Thị C là ông Đỗ Khắc T, sinh năm: 1963; địa chỉ: Xóm 16, xã A, huyện T, tỉnh Nam Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/10/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Đoàn Thị T là người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Trên cơ sở giấy đề nghị vay vốn, kiêm phương án sử dụng vốn vay của gia đình ông Đỗ Khắc T, theo chương trình cho vay Nước sạch và Vệ sinh môi trường (viết tắt Nước sạch & VSMT) và chương trình cho vay hộ nghèo. Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện T (viết tắt là NHCSXH) đã giải ngân cho gia đình ông Đỗ Khắc T vay các khoản như sau :

+ Khoản vay Nước sạch & VSMT: Từ ngày 06/7/2010 đến ngày 21/7/2013, NHCSXH đã giải ngân cho gia đình ông T vay tổng số tiền gốc là 8.000.000đ với lãi xuất 0,9%/ tháng, thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất quá hạn 1,17%/tháng. Phân kỳ trả nợ tiền gốc, tháng 7/2012 trả 4.000.000đ, tháng 7/2013 trả 4.000.000đ cùng với tiền lãi phát sinh. Ngày 21/7/2013 gia đình ông T đã thanh toán trả NHCSXH số tiền gốc 4.000.000đ và tiền lãi là 2.628.000đ. Số nợ gốc chưa trả, NHCSXH đã gia đến 21/7/2014, nhưng gia đình ông T không thanh toán. Tạm tính đến ngày 20/3/2018 gia đình ông T còn nợ tiền gốc và tiền lãi như sau: Số tiền gốc là 4.000.000đ; tiền lãi trong hạn (từ ngày 06/7/2010 đến ngày 21/7/2014) là: 3.060.000đ, tiền lãi quá hạn (từ 21/7/2014 đến ngày 20/3/2018) là 2.087.777đ. Tổng số tiền lãi còn phải trả là 5.147.777đ – 2.628.000đ (đã thanh toán) = 2.519.777đ.

+ Khoản vay hộ nghèo: Ngày 23/3/2011, NHSCXH đã giải ngân cho gia đình ông T vay số tiền gốc là 15.000.000đ, lãi xuất cho vay là 0,65%/tháng, thời hạn cho vay là 36 tháng, ngày trả nợ cuối cùng là 21/2/2014, lãi xuất nợ quá hạn là 0,845%/tháng. NHCSXH thu tiền lãi trong hạn thông qua tổ cho vay vốn xã A là 2.824.250đ. Hết hạn hợp đồng, gia đình ông T không thanh toán tiền gốc và lãi còn thiếu, NHCSXH đã gia hạn trả nợ đến ngày 21/02/2014, nhưng gia đình ông T cũng không thanh toán. Tạm tính đến ngày 20/3/2018, gia đình ông T còn nợ gốc và lãi như sau: Số tiền gốc là 15.000.000đ, số tiền lãi trong hạn (từ ngày 23/3/2011 đến ngày 21/02/2014) là: 3.409.300 đ, tiền lãi quá hạn (từ 21/02/2014 đến ngày 20/3/2018) là 6.291.349 đ. Tổng số tiền lãi còn phải trả là 9.700.649đ – 2.824.250đ (đã thanh toán) = 6.876.399đ.

Nay nguyên đơn yêu cầu ông T và bà C phải có trách nhiệm thanh toán tiền gốc và tiền lãi còn thiếu đối với khoản vay Nước sạch & VSMT và khoản vay hộ nghèo, tính đến ngày 20/3/2018 và tiếp tục trả lãi với mức lãi xuất quá hạn, theo hợp đồng vay đã ký trên cho đến khi thanh toán hết số tiền gốc của các khoản vay trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa ông Đỗ Khắc T cũng là người đại diện cho bà Đỗ Thị C trình bày và đề nghị:

+ Đối với khoản vay Nước sạch & VSMT: Gia đình ông có vay và đã trả tiền gốc là 4.000.000đ. Số tiền gốc và lãi còn thiếu sẽ có trách nhiệm thanh toán cho NHCSXH.

+ Đối với khoản vay hộ cận nghèo: Gia đình có làm hồ sơ vay vốn tiền gốc là 15.000.000đ, tuy nhiên ông không trực tiếp nhận tiền giải ngân và không ký vào phiếu chi ngày 23/3/2011 của NHCSXH, nên không có trách nhiệm trả khoản nợ này cho ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Nam Trực nhận định:

[1] Về yêu cầu của nguyên đơn:

+ Về khoản vay Nước sạch & VSMT: Căn cứ vào Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn được NHCSXH duyệt ngày 24/6/2010, sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay - thu nợ - dư nợ đối với khoản vay Nước sạch & VSMT và sự thừa nhận của các bên đương sự thì có cơ sở xác định: Ông Đỗ Khắc T và bà Đỗ Thị C có ký hồ sơ vay tiền của NHCSXH khoản vay nước sạch & VSMT với số tiền gốc là 8.000.000đ, lãi xuất 0,9%/ tháng, thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất quá hạn 1,17% /tháng. Gia đình ông T đã thanh Toán số tiền gốc 4.000.000đ và số tiền lãi 2.628.000đ. Tạm tính đến ngày 20/3/2018, số tiền gốc còn nợ là 4.000.000đ và tiền lãi là 2.519.777đ.

+ Về khoản vay hộ nghèo: Ông T và bà C thừa nhận có ký hồ sơ vay 15.000.000đ, nhưng cho rằng trên thực tế ông không nhận tiền và không ký vào phiếu chi giải ngân ngày 23/3/2011 của NHCSXH, dưới mục người nhận tiền. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông T đã có đơn đề nghị Tòa án huyện Nam Trực trưng cầu giám định chữ ký của ông T, tại phiếu chi ngày ngày 23/3/2011. Tòa án huyện Nam Trực đã thông báo yêu cầu ông T phải nộp tiền tạm ứng chi phí giám định, ông T không thực hiện nghĩa vụ. Tại phiên Tòa ông T không đề nghị được thực hiện nghĩa vụ tố tụng, làm thủ giám định theo quy định của pháp luật. Do vậy không có căn cứ xác định lời trình bày của ông T là có cơ sở. Căn cứ vào Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn được NHCSXH phê duyệt ngày 01/3/2011, sổ vay vốn của hộ ông T, sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay - thu nợ - dư nợ đối với khoản vay Hộ nghèo thì có cơ sở xác định: Ông Đỗ Khắc T và bà Đỗ Thị C có vay tiền của NHCSXH theo chương trình vay Hộ nghèo: Số tiền gốc là 15.000.000đ, lãi xuất cho vay là 0,65%/tháng, thời hạn cho vay là 36 tháng, ngày trả nợ cuối cùng là 21/2/2014, lãi xuất nợ quá hạn là 0,845%/tháng. NHCSXH đã thu tiền lãi trong hạn là 2.824.250đ. Tạm tính đến ngày 20/3/2018, số tiền gốc còn nợ là 15.000.000đ và số tiền lãi là 2.519.777đ.

Do vậy nguyên đơn yêu cầu ông T, bà C phải có trách nhiệm liên đới thanh toán tiền gốc và lãi theo các hợp đồng vay mà ông T bà C đã ký đối với các khoản vay trên là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 471; Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[2] *Về án phí*: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; ông T và bà C phải liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự là: $(6.519.000đ + 21.876.000đ) \times 5\% = 1.419.000đ$.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 26, 35, 39, 92 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 298, Điều 471, Điều 474, Điều 478 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam.

Ông Đỗ Khắc T và bà Đỗ Thị C phải có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam, thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện T số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 20/3/2018 như sau:

1.1. Đối với khoản vay theo chương trình Nước sạch và vệ sinh môi trường: Số tiền gốc là 4.000.000đ và tiền lãi là 2.519.000đ. Tổng số là 6.519.000đ (sáu triệu năm trăm mười chín nghìn đồng).

Kể từ ngày 20/3/2018 ông Đỗ Khắc T và bà Đỗ Thị C phải có trách nhiệm liên đới tiếp tục trả lãi, theo mức lãi suất quá hạn là 1,17%/tháng đối với số tiền gốc chưa trả, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc trên.

1.2. Đối với khoản vay theo chương trình hộ cận nghèo: Số tiền gốc là 15.000.000đ và tiền lãi là 6.876.000đ. Tổng là 21.876.000đ (hai mươi một triệu tám trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày 20/3/2018 bà ông Đỗ Khắc T và bà Đỗ Thị C phải có trách nhiệm liên đới tiếp tục trả lãi, theo mức lãi suất quá hạn là 0,845%/tháng đối với số tiền gốc chưa trả, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc trên.

2. Về án phí: ông Đỗ Khắc T và bà Đỗ Thị C có trách nhiệm liên đới nộp 1.419.000đ (một triệu bốn trăm mười chín nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều

6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi gửi:

- Toà án nhân dân tỉnh;
- VKS nhân dân huyện Nam Trực;
- Chi cục THAdân sự H. Nam Trực;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thịnh